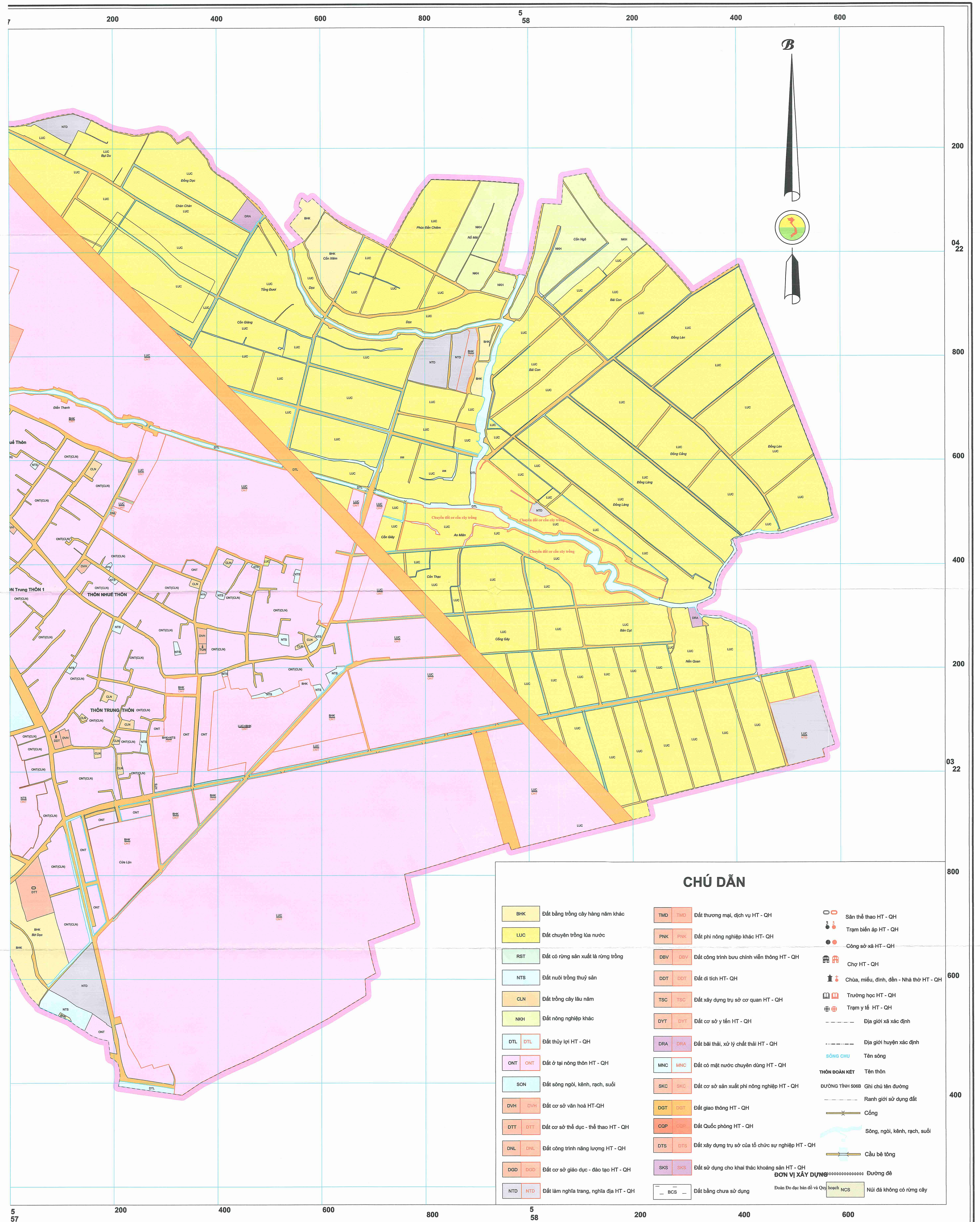


PHẠM VI VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

000

TỈNH THANH HÓA



CHÚ DẪN

BHK	Đất bãi trồng cây hàng năm khác	TMD	TMD	Đất thương mại, dịch vụ HT - QH	Sân thể thao HT - QH
LUC	Đất chuyên trồng lúa nước	PNK	PNK	Đất phi nông nghiệp khác HT - QH	Trạm biến áp HT - QH
RST	Đất có rừng sản xuất là rừng trồng	DBV	DBV	Đất công trình bưu chính viễn thông HT - QH	Công sở xã HT - QH
NTS	Đất nuôi trồng thủy sản	DOT	DOT	Đất di tích HT - QH	Chợ HT - QH
CLN	Đất trồng cây lâu năm	TSC	TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan HT - QH	Chùa, miếu, đình, đền - Nhà thờ HT - QH
NKH	Đất nông nghiệp khác	DYT	DYT	Đất cơ sở y tế HT - QH	Trường học HT - QH
DTL	Đất thủy lợi HT - QH	DYT	DYT	Trạm y tế HT - QH	Trạm y tế HT - QH
ONT	Đất ở tại nông thôn HT - QH	DRA	DRA	Đất bãi thải, xử lý chất thải HT - QH	Địa giới xã xác định
SON	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối	MNC	MNC	Đất có mặt nước chuyên dùng HT - QH	Địa giới huyện xác định
DVH	Đất cơ sở văn hoá HT - QH	SKC	SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp HT - QH	SÔNG CHU
DTT	Đất cơ sở thể dục - thể thao HT - QH	DGT	DGT	Đất giao thông HT - QH	TÊN SÔNG
DNL	Đất công trình năng lượng HT - QH	COP	COP	Đất Quốc phòng HT - QH	TÊN THÔN
DGD	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo HT - QH	DTS	DTS	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp HT - QH	ĐƯỜNG TỈNH 5068
NTD	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa HT - QH	SKS	SKS	Đất sử dụng cho khai thác khoáng sản HT - QH	Ghi chú tên đường
		BCS	BCS	Đất bãi chưa sử dụng	Ranh giới sử dụng đất
					Cống
					Sông, ngòi, kênh, rạch, suối
					Cầu bê tông
					Đường đé
					Núi đá không có rừng cây